

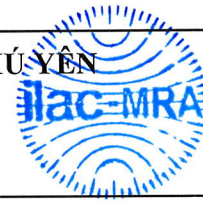


CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT

05 Hải Dương, TP Tuy Hoà, Phú Yên.

Tel 0257-3823000 Fax 0257-3828388



Số: 379 - 2023/KQ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 16/11/2023

Trang: 1/1

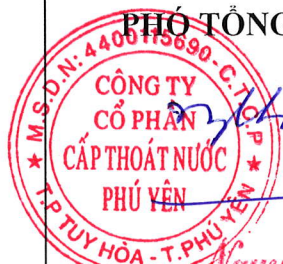
- Nơi gửi mẫu/ lấy mẫu : Bể chứa NMN Đông Bắc Sông Cầu
- Loại mẫu : Nước sau khi xử lý
- Mô tả mẫu : Mẫu hóa lý được đựng trong chai nhựa, mẫu vi sinh được đựng trong chai thủy tinh
- Ký hiệu mẫu : 43B05/23
- Ngày nhận mẫu/lấy mẫu : 07/11/2023
- Thời gian thử nghiệm : 7 ngày
- Kết quả thử nghiệm :

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN01-1:2018/BYT	Kết quả
1	Mùi, vị	-	SMEWW2150:2023 SMEWW2160:2023	Không có mùi, không vị lạ	Không có mùi, không vị lạ
2	pH (*)	-	TCVN6492:2011	6 - 8,5	6,66
3	Độ đục (*)	NTU	TCVN12402-1:2020	2	0,55
4	Hàm lượng Sắt tổng (*)	mg/l	TCVN6177:1996	0,3	0,06
5	Hàm lượng Clorua (*)	mg/l	TCVN6194:1996	250	14,15
6	Độ cứng tổng (*)	mg/l	TCVN6224:1996	300	11,49
7	Hàm lượng Nitrit (*)	mg/l	TCVN6178:1996	0,05	KPH (LOQ = 0,005)
8	Màu sắc (*)	mg/l Pt	TCVN6185:2015	15	< LOQ = 4,923
9	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)(*)	mg/l	SMEWW-2540C:2023	1000	71
10	Hàm lượng Nitrat (*)	mg/l	TCVN6180:1996	2	1,62
11	Hàm lượng Sunfat (*)	mg/l	EPA 375.4	250	6,60
12	Hàm lượng Mangan (*)	mg/l	TCVN6002:1995	0,1	KPH (LOQ = 0,042)
13	Chỉ số Permanganat (*)	mg/l	TCVN6186:1996	2	< LOQ = 0,57
14	Hàm lượng Amoni (*)	mg/l	TCVN6179-1:1996	0,3	0,01
15	Clo Tổng số (*)	mg/l	TCVN 6225-3:2011	0,2 - 1	0,62
16	Coliform (*)	CFU/100ml	TCVN6187-1:2019	< 3	KPH
17	E.Coli (*)	CFU/100ml	TCVN6187-1:2019	< 1	KPH

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT

BỘ PHẬN KIỂM NGHIỆM



Nguyễn Tôn Thuận

Nguyễn Văn Phong

Võ Bá Duy Huân

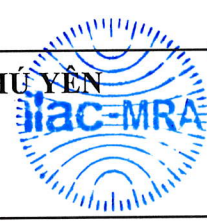
Ghi chú:

- (*) Các chỉ tiêu được VILAS công nhận
- LOQ: Giới hạn định lượng, KPH : Không phát hiện
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử

BM.KHKT.02.02

Ban hành lần 05

Ngày ban hành: 31/12/2021



VILAS 746

Số: 380 - 2023/KQ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 16/11/2023
Trang: 1/1

- Nơi gửi mẫu/ lấy mẫu : Tuyền Xuân Bình - NMN Đông Bắc Sông Cầu
- Loại mẫu : Nước sau khi xử lý
- Mô tả mẫu : Mẫu hóa lý được đựng trong chai nhựa, mẫu vi sinh được đựng trong chai thủy tinh
- Ký hiệu mẫu : 44M₁05/23
- Ngày nhận mẫu/lấy mẫu : 07/11/2023
- Thời gian thử nghiệm : 7 ngày
- Kết quả thử nghiệm :

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN01-1:2018/BYT	Kết quả
1	Mùi, vị	-	SMEWW2150:2023 SMEWW2160:2023	Không có mùi, không vị lạ	Không có mùi, không vị lạ
2	pH (*)	-	TCVN6492:2011	6 - 8,5	6,68
3	Độ đục (*)	NTU	TCVN12402-1:2020	2	0,53
4	Hàm lượng Sắt tổng (*)	mg/l	TCVN6177:1996	0,3	< LOQ = 0,05
5	Hàm lượng Clorua (*)	mg/l	TCVN6194:1996	250	14,82
6	Độ cứng tổng (*)	mg/l	TCVN6224:1996	300	11,99
7	Hàm lượng Nitrit (*)	mg/l	TCVN6178:1996	0,05	KPH (LOQ = 0,005)
8	Màu sắc (*)	mg/l Pt	TCVN6185:2015	15	< LOQ = 4,923
9	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)(*)	mg/l	SMEWW-2540C:2023	1000	74
10	Hàm lượng Nitrat (*)	mg/l	TCVN6180:1996	2	1,57
11	Hàm lượng Sunfat (*)	mg/l	EPA 375.4	250	7,40
12	Hàm lượng Mangan (*)	mg/l	TCVN6002:1995	0,1	KPH (LOQ = 0,042)
13	Chỉ số Permanganat (*)	mg/l	TCVN6186:1996	2	< LOQ = 0,57
14	Hàm lượng Amoni (*)	mg/l	TCVN6179-1:1996	0,3	0,04
15	Clo Tổng số (*)	mg/l	TCVN 6225-3:2011	0,2 - 1	0,40
16	Coliform (*)	CFU/100ml	TCVN6187-1:2019	< 3	KPH
17	E.Coli (*)	CFU/100ml	TCVN6187-1:2019	< 1	KPH



PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT **BỘ PHẬN KIỂM NGHIỆM**

(Signature)
Nguyễn Văn Phong

(Signature)
Võ Bá Duy Huân

Ghi chú:

- (*) Các chỉ tiêu được VILAS công nhận
- LOQ: Giới hạn định lượng, KPH: Không phát hiện
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử

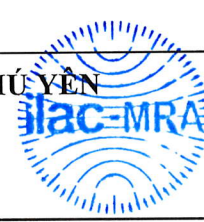


CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT

05 Hải Dương, TP Tuy Hoà, Phú Yên.

Tel 0257-3823000 Fax 0257-3828388



Số: 381 - 2023/KQ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 16/11/2023

Trang: 1/1

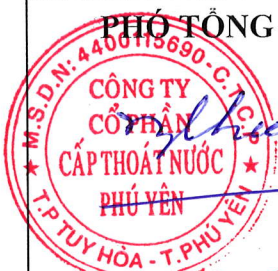
- Nơi gửi mẫu/ lấy mẫu : Cuối tuyến Xuân Hải - NMN Đông Bắc Sông Cầu
- Loại mẫu : Nước sau khi xử lý
- Mô tả mẫu : Mẫu hóa lý được đựng trong chai nhựa, mẫu vi sinh được đựng trong chai thủy tinh
- Ký hiệu mẫu : 45M₂05/23
- Ngày nhận mẫu/lấy mẫu : 07/11/2023
- Thời gian thử nghiệm : 7 ngày
- Kết quả thử nghiệm :

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN01-1:2018/BYT	Kết quả
1	Mùi, vị	-	SMEWW2150:2023 SMEWW2160:2023	Không có mùi, mùi,	Không có mùi, không vị lạ
2	pH (*)	-	TCVN6492:2011	6 - 8,5	6,63
3	Độ đục (*)	NTU	TCVN12402-1:2020	2	0,68
4	Hàm lượng Sắt tổng (*)	mg/l	TCVN6177:1996	0,3	< LOQ = 0,05
5	Hàm lượng Clorua (*)	mg/l	TCVN6194:1996	250	14,15
6	Độ cứng tổng (*)	mg/l	TCVN6224:1996	300	11,49
7	Hàm lượng Nitrit (*)	mg/l	TCVN6178:1996	0,05	KPH (LOQ = 0,005)
8	Màu sắc (*)	mg/l Pt	TCVN6185:2015	15	7,20
9	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)(*)	mg/l	SMEWW-2540C:2023	1000	75
10	Hàm lượng Nitrat (*)	mg/l	TCVN6180:1996	2	1,61
11	Hàm lượng Sunfat (*)	mg/l	EPA 375.4	250	7,80
12	Hàm lượng Mangan (*)	mg/l	TCVN6002:1995	0,1	KPH (LOQ = 0,042)
13	Chỉ số Permanganat (*)	mg/l	TCVN6186:1996	2	< LOQ = 0,57
14	Hàm lượng Amoni (*)	mg/l	TCVN6179-1:1996	0,3	0,02
15	Clo Tổng số (*)	mg/l	TCVN 6225-3:2011	0,2 - 1	0,20
16	Coliform (*)	CFU/100ml	TCVN6187-1:2019	< 3	KPH
17	E.Coli (*)	CFU/100ml	TCVN6187-1:2019	< 1	KPH

PHÓ TÔNG GIÁM ĐỐC

PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT

BỘ PHẬN KIỂM NGHIỆM



Nguyễn Văn Phong
Nguyễn Văn Phong

Võ Bá Duy Huân
Võ Bá Duy Huân

Ghi chú:

Nguyễn Tôn Thuận

- (*) Các chỉ tiêu được VILAS công nhận
- LOQ: Giới hạn định lượng, KPH : Không phát hiện
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử

BM.KHKT.02.02

Ban hành lần 05

Ngày ban hành: 31/12/2021